

# HIỆU LỰC CỦA KHÁNG CÁO, KHÁNG NGHỊ GIÁM ĐỐC THẨM TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ PHÁP

**MAI THANH HIẾU \***

**Tóm tắt:** Trong pháp luật tố tụng hình sự Pháp và nhiều nước trên thế giới, kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực chưa đưa ra thi hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị, đồng thời có hiệu lực phát sinh và giới hạn thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm về mặt pháp luật của vụ án, theo phạm vi kháng cáo, kháng nghị và theo tư cách pháp lý của chủ thể kháng cáo, kháng nghị. Bài viết nghiên cứu so sánh pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và Pháp về hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm theo mô hình của Pháp, bảo đảm phù hợp với tính chất của giám đốc thẩm và các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự.

**Từ khoá:** Hiệu lực; kháng cáo; kháng nghị giám đốc thẩm; tố tụng hình sự; Việt Nam; Pháp

Nhận bài: 12/12/2021

Hoàn thành biên tập: 28/5/2022

Duyệt đăng: 28/5/2022

EFFECTS OF CASSATION APPEALS IN VIETNAM AND FRANCE'S CRIMINAL PROCEDURE LAWS

**Abstract:** In the criminal procedure law of France and many countries around the world, cassation appeals have two kinds of effect. The first one is suspensive effect which suspends the effectiveness of the appealed decision. The second one is devolutive effect which gives rise to cassation review, at the same it also limits the exercise of such cassation review to only law-related matters within the scope of the appeal. Such limitation must also be determined by the legal standing of the appellant. This article makes a comparison between the criminal procedure law of Vietnam and France on the effectiveness of cassation appeals and proposes some solutions to improve Vietnam's criminal procedure law on the effectiveness of cassation appeals according to the French model, in order to ensure compliance with the nature of cassation review and fundamental principles of criminal procedure.

**Keywords:** Effect; cassation appeals; criminal procedure; Vietnam; France

Received: Dec 12<sup>th</sup>, 2021; Editing completed: May 28<sup>th</sup>, 2022; Accepted for publication: May 28<sup>th</sup>, 2022

## Đặt vấn đề

Trong pháp luật tố tụng hình sự Pháp cũng như nhiều nước trên thế giới<sup>1</sup>, kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hai loại hiệu lực. Thứ nhất là hiệu lực chưa đưa ra thi

hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị (tiếng Pháp: *effet suspensif*); thứ hai là hiệu lực phát sinh và giới hạn thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm về mặt pháp luật của vụ án, theo phạm vi kháng cáo, kháng nghị và theo tư cách pháp lý của chủ thể kháng cáo, kháng nghị (tiếng Pháp: *effet dévolutif*). Trong hơn 100 năm chịu ảnh hưởng trực tiếp của pháp luật tố tụng hình sự Pháp, kháng

\* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

E-mail: maithanhhiu@hlu.edu.vn

<sup>1</sup> Jean Pradel, *Droit pénal comparé*, 2e é., Dalloz, Paris, 2002, p. 627.

cáo, kháng nghị giám đốc thẩm trong pháp luật tố tụng hình sự tại Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 và tại miền Nam Việt Nam trước ngày thống nhất đất nước năm 1975 cũng có hai loại hiệu lực nói trên. Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành không quy định kháng cáo giám đốc thẩm mà chỉ quy định kháng nghị giám đốc thẩm<sup>2</sup>. Hiệu lực của kháng nghị giám đốc thẩm trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam có một số điểm tương đồng nhưng chủ yếu là khác biệt với hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm trong pháp luật tố tụng hình sự Pháp, do những nguyên nhân lịch sử, truyền thống và quan niệm pháp lí.

### **1. Hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm trong việc thi hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị**

Trong pháp luật tố tụng hình sự Pháp, về nguyên tắc, kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực chưa đưa ra thi hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị.

Sự phát sinh hiệu lực chưa đưa ra thi hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm không phụ thuộc vào việc kháng cáo, kháng nghị có hợp pháp và được toà án cấp giám đốc thẩm chấp nhận hay không, mà chỉ phụ thuộc “*duy nhất vào sự tồn tại của nó*”<sup>3</sup>. Tuy nhiên, kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm không hợp pháp về đối tượng thì không phát sinh hiệu lực chưa đưa ra thi hành bản án, quyết định bị

kháng cáo, kháng nghị. *Vi dụ*, Điều 316 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) Pháp năm 1957, sửa đổi, bổ sung năm 2000<sup>4</sup> quy định: các quyết định về tố tụng của Toà đại hình trước khi có quyết định về nội dung vụ án không phải là đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm. Vì vậy, kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm đối với những quyết định này không có hiệu lực, các quyết định bị kháng cáo, kháng nghị vẫn được đưa ra thi hành.

Kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm về phần hình sự của bản án, quyết định mới có hiệu lực chưa đưa ra thi hành. Kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm về phần hình sự khiến cho các hình phạt chưa được đưa ra thi hành, dù đó là hình phạt tước tự do, tước quyền, hạn chế quyền hoặc hình phạt tiền. Việc chưa đưa ra thi hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm về phần hình sự không phụ thuộc vào chủ thể kháng cáo, kháng nghị là người bị kết án hay viện công tố: “*Mặc dù chủ thể kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm là ai, thật khó quan niệm rằng hình phạt lại có thể được thi hành trong khi tính hợp pháp của bản án, quyết định còn đang bị tranh cãi*”<sup>5</sup>. Hiệu lực chưa đưa ra thi hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm về phần hình sự chấm dứt khi toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm tuyên án. Đoạn 1 Điều 569 BLTTHS Pháp năm 1957, sửa đổi, bổ sung năm 2019 quy định: “*Trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm và nếu có kháng cáo, kháng nghị giám đốc*

<sup>2</sup> Trong bài viết này, cụm từ “kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm” được hiểu là kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm trong pháp luật tố tụng hình sự Pháp và kháng nghị giám đốc thẩm trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành.

<sup>3</sup> Jacques Boré et Louis Boré, *La cassation en matière pénale*, 2ème éd., Dalloz, Paris, 2004, p. 355.

<sup>4</sup> Bộ luật Tố tụng hình sự Pháp, <https://www.legifrance.gouv.fr/codes/id/LEGITEXT000006071154/>, truy cập 13/4/2022.

<sup>5</sup> Jacques Boré et Louis Boré, sđd, p. 355.

*thẩm thì bản án, quyết định phúc thẩm chưa được đưa ra thì hành cho đến khi toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm tuyên án...". Việc chưa đưa ra thì hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm về phần hình sự là cần thiết bởi việc phá án chỉ thực sự có hiệu quả nếu bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị chưa được thi hành, sự việc được trở lại tình trạng ban đầu như trước khi có bản án, quyết định bị huỷ<sup>6</sup>.*

Hiệu lực chưa đưa ra thì hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm không phải là nguyên tắc chung, tuyệt đối, không phân biệt, mà cũng có ngoại lệ. Theo đó, quyết định về dân sự trong vụ án hình sự vẫn được đưa ra thì hành, mặc dù có kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm (đoạn 1 Điều 569 BLTTHS Pháp năm 1957, sửa đổi, bổ sung năm 2019). Quyết định về dân sự trong vụ án hình sự được thi hành ngay bởi: *"Thật bất thường nếu đặt bị hại, nguyên đơn dân sự trong tình trạng bất lợi do việc bồi thường thiệt hại bị cản trở bởi việc kháng cáo giám đốc thẩm của người bị kết án, kể cả trường hợp kháng cáo đó là hợp pháp"*<sup>7</sup>. Các quyết định áp dụng, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế cũng được thi hành ngay, mặc dù có kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm. Ví dụ, đoạn 3 Điều 569 BLTTHS Pháp năm 1957, sửa đổi, bổ sung năm 2019 quy định: *"Trường hợp bị cáo đang bị tạm giam nhưng được tuyên vô tội, miễn hình phạt, phạt tù nhưng*

*cho hưởng án treo thông thường hay án treo có thử thách hoặc phạt tiền thì được trả tự do ngay sau khi tuyên án, mặc dù vẫn có thể bị kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm".* Trong các trường hợp nói trên, bị cáo không phải chịu hình phạt tù giam nên việc tiếp tục tạm giam bị cáo là vô nhân đạo. Theo nguyên tắc tương tự, bị cáo đang bị tạm giam nhưng được đình chỉ vụ án hoặc bị áp dụng hình phạt không phải là tù giam như tước quyền hoặc hạn chế quyền quy định tại Điều 131-6 Bộ luật Hình sự (BLHS)<sup>8</sup> thì cũng được trả tự do ngay, mặc dù có kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm. Đoạn 4 Điều 569 BLTTHS Pháp năm 1957, sửa đổi, bổ sung năm 2019 còn quy định khi thời hạn tạm giam bằng với thời hạn phạt tù thì phải trả tự do ngay cho bị cáo, mặc dù có kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm. Quyết định bắt, tạm giam bị cáo tiếp tục được thi hành, mặc dù có kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm (đoạn 1 Điều 569 BLTTHS Pháp năm 1957, sửa đổi, bổ sung năm 2019). Đây cũng là biện pháp nhằm hạn chế việc kháng cáo giám đốc thẩm với mục đích trì hoãn thi hành án.

Trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, kháng nghị giám đốc thẩm không có hiệu lực đương nhiên tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định bị kháng nghị. Kháng nghị giám đốc thẩm chỉ là điều kiện tiên quyết để chủ thể đã kháng nghị quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định đó một cách độc lập với quyết định kháng nghị giám đốc thẩm. Điều 377 BLTTHS năm 2015 quy định: *"Người ra quyết định kháng*

<sup>6</sup> M. Faustin Hélie, JSG. Nypels, Léopold Hanssens, Constant Casier, *Traité de l'instruction criminelle ou Théorie du Code d'instruction criminelle*, Tome troisième, Bruxelles. Bruylant-Christophe et compagnie, Éditeur, 1869, p. 742.

<sup>7</sup> Jacques Boré et Louis Boré, sđd, p. 356.

<sup>8</sup> Bộ luật Hình sự Pháp, <https://www.legifrance.gouv.fr/codes/id/LEGITEXT000006070719/>, truy cập 13/4/2022.

ngợi giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì có quyền quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định đó". Tuy nhiên, BLTTHS năm 2015 không quy định cụ thể trong trường hợp nào thì người ra quyết định kháng nghị giám đốc thẩm có quyền quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định bị kháng nghị. Theo Thông tư liên ngành số 01/TTLN ngày 08/12/1988, đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật đang được thi hành, nếu thấy trong thời gian chờ xét xử giám đốc thẩm việc tiếp tục thi hành bản án, quyết định đó có thể gây thiệt hại cho người phải thi hành thì người đã kháng nghị có quyền tạm đình chỉ việc thi hành đó. Đối với trường hợp đang chấp hành hình phạt tù thì chỉ nên tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định khi đã có kháng nghị theo hướng: đình chỉ vụ án, tuyên bố không phạm tội, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, cho hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù. Trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành, chỉ có kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo thủ tục xem xét bản án từ hình trước khi thi hành quy định tại Điều 367 BLTTHS năm 2015 mới có hiệu lực tiếp tục chưa đưa ra thi hành bản án từ hình đó.

Nguyên nhân của sự khác biệt trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và Pháp về hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm trong việc thi hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị là do sự khác nhau về đối tượng của kháng cáo, kháng nghị.

Trong tố tụng hình sự Pháp, đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm là bản án, quyết định chung thẩm chưa có hiệu

lực pháp luật. Bản án, quyết định chung thẩm là bản án, quyết định của cấp xét xử cuối cùng về nội dung vụ án. Tính chung thẩm (tiếng Pháp: *dernier ressort*) được phân biệt với tính có hiệu lực pháp luật (tiếng Pháp: *autorité de la chose jugée*) của bản án, quyết định của tòa án. Bản án, quyết định sơ thẩm khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm mà không có kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật nhưng không phải là chung thẩm và không phải là đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm: "*Một bản án nhất định có thể do một tòa xử sơ thẩm, sở dĩ thành nhất định là vì người bị án không đem việc kiện lên tòa trên để xử lại, không kháng cáo. Trong trường hợp này, bản án không thể được thượng tố, vì tuy là án nhất định, nhưng lại không phải là án chung thẩm*"<sup>9</sup>. Trong tố tụng hình sự Pháp, bản án, quyết định chung thẩm gồm bản án, quyết định phúc thẩm và bản án, quyết định sơ thẩm đồng thời là chung thẩm. Bản án, quyết định phúc thẩm là bản án, quyết định của cấp xét xử thứ hai, đồng thời là cấp xét xử cuối cùng. Bản án, quyết định sơ thẩm đồng thời là chung thẩm là bản án, quyết định của cấp xét xử thứ nhất, đồng thời là cấp xét xử cuối cùng đối với những tội phạm ít nghiêm trọng nhất (tội vi cảnh). Đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm ngoài điều kiện chung thẩm còn đòi hỏi điều kiện chưa có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm chính là sự tiếp tục chưa đưa ra thi hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị. Hiệu lực pháp luật của bản án,

<sup>9</sup> Lê Tài Triển (chủ biên), *Nhiệm vụ của công tố viện*, Sài Gòn, 1970, tr. 345.

quyết định của toà án phát sinh khi bản án, quyết định đó trở thành nhất định, coi như chân lí (tiếng Latin: *Res judicata pro veritate habetur*), làm cơ sở cho việc bắt buộc thi hành và nội dung vụ án không thể bị xem xét lại, số phận pháp lí của bị cáo, bị hại hoặc đương sự không thể bị thay đổi theo hướng bất lợi cho họ. Kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định chung thẩm chưa có hiệu lực pháp luật mới phát sinh hiệu lực chưa đưa ra thi hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị. Bản án, quyết định chung thẩm đã có hiệu lực pháp luật không còn là đối tượng của kháng cáo giám đốc thẩm, mà chỉ là đối tượng của kháng nghị giám đốc thẩm trong trường hợp ngoại lệ, vì lợi ích của pháp luật, “tránh việc bản án, quyết định đó trở thành án lệ”<sup>10</sup>. Việc kháng nghị giám đốc thẩm vì lợi ích của pháp luật đối với bản án, quyết định chung thẩm đã có hiệu lực pháp luật “có tính cách thuần túy giáo điều, lí thuyết, thậm chí là tượng trưng”<sup>11</sup>. Vì vậy, bản án, quyết định chung thẩm đã có hiệu lực pháp luật vẫn tiếp tục được thi hành, mặc dù có kháng nghị giám đốc thẩm.

Chịu ảnh hưởng trực tiếp của pháp luật tố tụng hình sự Pháp, pháp luật tố tụng hình sự tại Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 và tại miền Nam Việt Nam trước ngày thống nhất đất nước năm 1975 đều quy định kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm

có đối tượng là bản án, quyết định chung thẩm và có hiệu lực chưa đưa ra thi hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị. Điều 68 BLTTHS Bắc kì năm 1921 quy định: “các án khinh tội, trọng tội bị xin thủ tiêu được triển hoãn sự thi hành”. Tại miền Nam, Điều 29 Dự số 5 ngày 18/10/1949 quy định kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực chưa đưa ra thi hành hình phạt: “sự thượng tố có hậu quả đình chỉ: bản án bị thượng tố sẽ không đem thi hành được về hình phạt”<sup>12</sup>. Điều 543 BLTTHS miền Nam năm 1972 cũng quy định kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực chưa đưa ra thi hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị: “Phải đình chỉ chấp hành phúc quyết toà phúc thẩm trong thời hạn thượng tố và nếu có thượng tố, cho đến khi Tối cao pháp viện thanh quyết”. Hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm trong việc chưa đưa ra thi hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị có ngoại lệ đối với phần bồi thường thiệt hại, tiếp tục tạm giam hoặc trả tự do. Các quyết định này tiếp tục được thi hành hoặc thi hành ngay mặc dù có kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, tại miền Bắc Việt Nam, pháp luật tố tụng hình sự Bắc kì, Trung kì và pháp luật tố tụng hình sự Pháp về giám đốc thẩm<sup>13</sup> đã bị bãi bỏ.

<sup>12</sup> Lê Tài Triển (chủ biên), sđd, tr. 443.

<sup>13</sup> BLTTHS Pháp năm 1808 được áp dụng trực tiếp tại Việt Nam từ năm 1864 tại thuộc địa Nam kì, ba thành phố nhượng địa Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng cũng như khu vực bảo hộ Trung kì, khu vực nửa bảo hộ Bắc kì đối với người Pháp và những chủ thể được ưu đãi như người Pháp. Xem thêm: Mai Thanh Hiếu, “Pháp luật tố tụng hình sự về giám đốc thẩm tại Việt Nam giai đoạn 1864 - 1945”, *Tạp chí Luật học*, số 5/2020, tr. 3 - 15.

<sup>10</sup> Cathie-Sophie Pinat, *Le discours de l'avocat devant la Cour de cassation: Etude de théorie du droit*, Thèse de doctorat, Université de Montpellier, 2016, p. 25.

<sup>11</sup> Damien Vandermeersch, “Le droit à un accès effectif au juge de cassation en matière pénale”, In: s.l.d. J. Van Meerbeeck, *L'accès à la justice*, Anthemis: Limal 2017, p. 68.

Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, pháp luật tố tụng hình sự miền Bắc “*mang tính chất cấp bách, phù hợp với hoàn cảnh thời chiến, tập trung cho việc thực hiện chuyên chính, chống kẻ thù của dân tộc và bảo vệ chính quyền cách mạng, việc thực hiện các nguyên tắc pháp lí dân chủ trong tố tụng hình sự còn bị hạn chế. Thời kì này, những quy định về việc xét xử còn đơn giản, ngay cả nguyên tắc hai cấp xét xử còn chưa được quy định thống nhất và bảo đảm thực hiện*”<sup>14</sup>, vì vậy, thủ tục giám đốc thẩm cũng không được quy định. Trong giai đoạn kháng chiến và nhất là sau khi hoà bình lập lại, có nhiều đơn yêu cầu, khiếu nại của cá nhân và đơn vị xin minh xét, trong đó phần lớn là xin xét lại oan sai trong cải cách ruộng đất và trong chính đôn tổ chức. Tại Hội nghị Tư pháp toàn quốc năm 1958, khi kiểm điểm về đường lối truy tố, xét xử, các toà án đã phát hiện một số án hình sự đã bị xử sai, kết án oan người vô tội hoặc tội nặng xử nhẹ, tội nhẹ xử nặng cần phải có biện pháp pháp lí để khắc phục nhằm bảo đảm pháp chế, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Sau hội nghị, Bộ Tư pháp đã hội ý thống nhất với Toà án nhân dân tối cao ra Thông tư số 002-TT ngày 13/01/1959 về thủ tục xử lại và Thông tư số 04-TT ngày 03/02/1959 về thủ tục xét lại những vụ án hình sự đã có hiệu lực pháp luật, nay thấy là xử không đúng, can phạm hiện còn đang bị giam<sup>15</sup>. Những văn bản pháp luật đầu tiên về giám đốc thẩm tại miền Bắc “*hầu như không kể*

*thừa pháp luật trong thời kì Pháp thuộc mà có rất nhiều điểm khác biệt*”<sup>16</sup>. Một trong những điểm khác biệt đó là đối tượng của kháng nghị giám đốc thẩm không còn là bản án, quyết định chung thẩm, mà là bản án, quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật. Trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành, bản án, quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật là đối tượng của kháng nghị giám đốc thẩm gồm: bản án, quyết định sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật do không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm; bản án, quyết định phúc thẩm; quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của toà án nhân dân cấp cao và toà án quân sự trung ương. Vì vậy, kháng nghị giám đốc thẩm không có hiệu lực chưa đưa ra thi hành bản án, quyết định bị kháng nghị, trừ trường hợp bản án, quyết định bị kháng nghị là bản án, quyết định tử hình.

## **2. Hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm phát sinh và giới hạn thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm**

### *2.1. Hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm phát sinh thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm*

Trong pháp luật tố tụng hình sự Pháp cũng như Việt Nam, kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực phát sinh thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm. Tuy nhiên, sự khác biệt thể hiện ở điểm: trong pháp luật tố tụng hình sự Pháp, kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm phát sinh thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm của một cấp duy nhất và tối cao, còn trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành có nhiều cấp giám đốc thẩm.

<sup>14</sup> Phan Thị Thanh Mai, “Khái quát về chế định giám đốc thẩm trong luật tố tụng hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay”, *Tạp chí Luật học*, số 3/2005, tr. 33.

<sup>15</sup> Phan Thị Thanh Mai, *ltdđ*, tr. 34.

<sup>16</sup> Phan Thị Thanh Mai, *Giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2007, tr. 48.

Trong pháp luật tố tụng hình sự Pháp, tính duy nhất và cao nhất của thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm được lí giải bởi yêu cầu thống nhất trong việc áp dụng, thi hành pháp luật và xây dựng án lệ. Án lệ giám đốc thẩm tại Pháp là sự giải thích pháp luật một cách chính thức (tiếng Pháp: *interprétation officielle*) và là một nguồn luật quan trọng, từng được áp dụng trực tiếp tại Việt Nam từ trước năm 1949: “*Án lệ Toà phá án Pháp từ năm 1949 trở về trước được coi là án lệ Việt Nam vì sự áp dụng luật tại Việt Nam chịu sự kiểm soát của Toà án này*”<sup>17</sup>. Tại Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 và tại miền Nam Việt Nam trước ngày thống nhất đất nước năm 1975, thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm cũng chỉ thuộc một toà án duy nhất (pháp đình duy nhất), tối cao trong hệ thống tổ chức toà án (pháp đình cao cấp hơn nhất trong tổ chức tư pháp quốc gia)<sup>18</sup>. Tại Bắc kì, thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm thuộc về Toà đệ tam cấp từ năm 1917. Tại Trung kì, thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm thuộc về Toà phúc thẩm từ năm 1942. Tại Nam kì, thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm thuộc về Toà phá án Paris. Do chiến tranh thế giới lần thứ hai, việc xét xử giám đốc thẩm tại chính quốc không thuận lợi nên Toà phá án Đông Dương được thành lập theo Luật ngày 07/8/1942 để xét xử giám đốc thẩm ngay tại Sài Gòn. Toà phá án Đông Dương được thành lập như một giải pháp tạm thời do chiến tranh, bởi án lệ giám đốc thẩm tại thuộc địa làm mất tính thống nhất của việc áp dụng pháp luật trên toàn lãnh thổ Pháp,

chính quốc cũng như hải ngoại<sup>19</sup>. Tại miền Nam, sau khi thiết lập nền tư pháp độc lập với Pháp, thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm thuộc về Tối cao pháp viện từ năm 1949, Toà phá án từ năm 1954 và quay trở lại Tối cao pháp viện từ năm 1968. Tại miền Bắc, mặc dù không còn chịu ảnh hưởng trực tiếp của pháp luật tố tụng hình sự Pháp nhưng mô hình thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm duy nhất và cao nhất đã từng tồn tại trong lịch sử pháp luật tố tụng hình sự giai đoạn 1954 - 1975. Trong giai đoạn này, chỉ Toà án nhân dân tối cao mới có thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm bởi vì: “*Việc xét xử lại những bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật là một việc rất hệ trọng. Để đảm bảo tính chất ổn định của các bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật, trong khi pháp luật của ta còn chưa hoàn chỉnh, quyền xét lại những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật này được tập trung ở Toà án nhân dân tối cao*”<sup>20</sup>. Tại lần pháp điển hoá luật tố tụng hình sự Việt Nam đầu tiên, BLTTHS năm 1988 quy định 04 cấp giám đốc thẩm. Như vậy, “*về lí thuyết và thực tiễn một vụ án có thể trải qua sáu lần xét xử và đòi hỏi thời gian và các chi phí khác rất lớn và nhiều khi để lại trong tâm lí xã hội những ấn tượng rất không hay về hiệu quả hoạt động của cơ quan pháp luật nói chung và các toà án nói riêng*”<sup>21</sup>. Pháp luật

<sup>17</sup> Hoàng Tuấn Lộc, Đào Minh Lượng, *Hình sự tố tụng chủ giải (quyển 1: Hành sự công tố quyền và thẩm vấn)*, Sài Gòn, 1973, tr. 7, 8.

<sup>18</sup> Lê Tài Triên (chủ biên), sđd, tr. 382, 433.

<sup>19</sup> Adrien Blazy, *L'organisation judiciaire en Indochine française 1858-1945, Tome II: Le temps de la gestion 1858-1945*, Presses de l'Université Toulouse 1 Capitole, LGDJ - Lextenso Editions, 2014, p. 341, 343.

<sup>20</sup> Toà án nhân dân tối cao, *Luật lệ về tư pháp*, Hà Nội, 1965, tr. 10.

<sup>21</sup> Trần Văn Độ, “Một số ý kiến về hoàn thiện thẩm quyền xét xử của toà án các cấp”, *Tạp chí Toà án nhân dân*, số 6/2001, tr. 3.

tổ tụng hình sự Việt Nam hiện hành quy định 02 cấp giám đốc thẩm: cấp thấp nhất là toà án nhân dân cấp cao và toà án quân sự trung ương, cấp cao nhất là Toà án nhân dân tối cao. Việc tồn tại nhiều cấp giám đốc thẩm trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam được lí giải “*căn cứ vào nguyên tắc toà án cấp trên giám đốc việc xét xử của toà án cấp dưới*”<sup>22</sup>. Tuy nhiên, việc tồn tại nhiều cấp giám đốc thẩm chưa đáp ứng được yêu cầu của Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/9/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, theo đó chỉ Toà án nhân dân tối cao mới có thẩm quyền giám đốc thẩm: “*Tổ chức hệ thống toà án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính... Toà án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm*”.

Trong pháp luật tố tụng hình sự Pháp cũng như Việt Nam, kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực phát sinh việc thực hiện thẩm quyền của hội đồng giám đốc thẩm với những thành phần khác nhau. Tuy nhiên, sự khác biệt thể hiện ở điểm: trong pháp luật tố tụng hình sự Pháp có 3 loại thành phần hội đồng giám đốc thẩm: hội đồng giám đốc thẩm hạn chế (tiếng Pháp: *formation restreinte*), hội đồng giám đốc thẩm hỗn hợp (tiếng Pháp: *chambre mixte*) và hội đồng giám đốc thẩm toàn thể (tiếng Pháp: *assemblée plénière*); còn trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam chỉ có 2 loại thành phần hội đồng giám đốc thẩm, tương ứng với thành

phần hội đồng giám đốc thẩm thứ nhất và thứ ba trong pháp luật tố tụng hình sự Pháp. Hội đồng giám đốc thẩm hỗn hợp trong tố tụng hình sự Pháp có ít nhất 13 thẩm phán gồm 1 chánh toà, 1 thẩm phán thâm niên và 2 thẩm phán khác của ít nhất 3 toà chuyên trách liên quan, do Chánh án Toà án tư pháp tối cao làm chủ tọa phiên toà. Hội đồng giám đốc thẩm hỗn hợp có thẩm quyền xét xử trong trường hợp hội đồng giám đốc thẩm hạn chế không thống nhất khi biểu quyết thông qua quyết định giám đốc thẩm hoặc trong trường hợp vụ án có liên quan đến thẩm quyền của nhiều toà chuyên trách hoặc vụ án có thể có nhiều cách giải quyết khác nhau. Việc tồn tại nhiều thành phần hội đồng giám đốc thẩm trong pháp luật tố tụng hình sự Pháp đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn giám đốc thẩm phong phú và phức tạp khác nhau.

2.2. *Hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm giới hạn thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm*

- Hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm giới hạn thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm về mặt pháp luật của vụ án

Trong pháp luật tố tụng hình sự Pháp cũng như Việt Nam, kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực giới hạn việc thực hiện thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm về mặt pháp luật của vụ án. Các tác giả Jacques Boré và Louis Boré trong sách “Giám đốc thẩm trong lĩnh vực hình sự” khẳng định: “*Đây là giới hạn đầu tiên và quan trọng nhất của hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm*”<sup>23</sup>. Giám đốc thẩm là thủ tục đặc biệt (tiếng Pháp: *extraordinaire*), khác với sơ thẩm và phúc thẩm là những thủ tục

<sup>22</sup> Viện Nghiên cứu khoa học pháp lí, Bộ Tư pháp, *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr. 497.

<sup>23</sup> Jacques Boré et Louis Boré, sđd, p. 364.



xét xử thông thường (tiếng Pháp: *ordinaire*), khác với thủ tục đặc biệt khác là tái thẩm. Theo nguyên tắc hai cấp xét xử, mặt sự việc và mặt pháp luật của vụ án được xem xét lại đồng thời theo thủ tục thông thường là phúc thẩm. Các thủ tục đặc biệt như giám đốc thẩm hoặc tái thẩm chỉ xem xét lại mặt pháp luật hoặc mặt sự việc của vụ án một cách riêng biệt. Giám đốc thẩm là thủ tục kiểm tra sự vi phạm về pháp luật (tiếng Pháp: *censure des erreurs de droit*), còn tái thẩm là thủ tục kiểm tra sự sai lầm về sự việc của vụ án (tiếng Pháp: *censure des erreurs de fait*). Mặt pháp luật của vụ án được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm trong trường hợp có vi phạm pháp luật nghiêm trọng: “*Toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm không xem xét về sự việc, vốn thuộc thẩm quyền xét xử của các thẩm phán xét xử về mặt nội dung ở toà án cấp dưới mà chỉ xem xét việc áp dụng luật vào các sự việc đó có đúng hay không*”<sup>24</sup>. Kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm nếu không viện dẫn được văn bản pháp luật nào bị vi phạm thì kháng cáo, kháng nghị đó bị coi là không có đối tượng (tiếng Pháp: *sans objet*) và không được chấp nhận<sup>25</sup>. Mặt sự việc của vụ án được xem xét lại theo thủ tục tái thẩm trong trường hợp có tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung bản án, quyết định mà toà án không biết được khi ra bản án, quyết định đó. Điều 370 BLTTHS Việt Nam năm 2015 và Điều 567 BLTTHS Pháp năm 1957 đều quy định căn cứ kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm là sự “vi phạm pháp luật” (tiếng Pháp:

*violation de la loi*). Trong tố tụng hình sự Pháp, nếu kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm yêu cầu xem xét lại cả mặt pháp luật lẫn mặt sự việc của vụ án thì toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm không chấp nhận<sup>26</sup>. Toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm chỉ kiểm tra việc thi hành luật hình thức và áp dụng luật nội dung đối với những sự việc và tình tiết đã được xem xét và kết luận trong bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị. Toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm không xem xét, nhận định về các tình tiết của vụ án, không xét xử nội dung vụ án, không quyết định về tội phạm và hình phạt như toà án cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm. Trường hợp có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong bản án, quyết định chung thẩm thì toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm huỷ bản án, quyết định và chuyển hồ sơ vụ án cho toà án khác thuộc một cấp xét xử (sơ thẩm hoặc phúc thẩm) để xét xử lại vụ án về cả mặt sự việc cũng như mặt pháp luật.

Trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm không chỉ xem xét lại mặt pháp luật mà còn xem xét lại mặt sự việc của vụ án. Theo tác giả Jean Pradel trong sách “Luật hình sự so sánh”, việc toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm xem xét lại mặt sự việc của vụ án là “*những ngoại lệ hết sức hiếm*” (tiếng Pháp: *exceptions rarissimes*)<sup>27</sup>. Việc xem xét lại mặt sự việc của vụ án thể hiện ở một trong những căn cứ cụ thể của kháng nghị giám đốc thẩm như: “*Kết luận trong bản án, quyết định của toà án không phù hợp với*

<sup>24</sup> Phan Thị Thanh Mai, *Giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, tđđ, tr. 22.

<sup>25</sup> Gaston Stephani, Georges Levasseur, Bernard Bouloc, *Procédure pénale*, Dalloz, 2004, p. 906.

<sup>26</sup> S. Guinchard, J. Buisson, *Procédure pénale*, LexisNexis 10e éd., 2014, p. 1426.

<sup>27</sup> Jean Pradel, *Droit pénal comparé*, 2e é., Dalloz, Paris, 2002, p. 627.

*những tình tiết khách quan của vụ án”* (Điều 371 BLTTHS Việt Nam năm 2015). Việc xem xét lại mặt sự việc của vụ án còn thể hiện ở thẩm quyền của hội đồng giám đốc thẩm trong việc sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật (Điều 393 BLTTHS Việt Nam năm 2015). Việc sửa bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị là thẩm quyền đặc trưng của toà án cấp phúc thẩm bởi vì toà án cấp phúc thẩm là cấp xét xử thứ hai, có quyền xét xử lại nội dung vụ án. Việc sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật khiến cho giám đốc thẩm trở thành một cấp xét xử - cấp xét xử thứ hai nếu đối tượng bị kháng nghị là bản án, quyết định sơ thẩm, cấp xét xử thứ ba nếu đối tượng bị kháng nghị là bản án, quyết định phúc thẩm. Trong pháp luật tố tụng hình sự Pháp, đối tượng của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm là bản án, quyết định chung thẩm, tức là bản án, quyết định cuối cùng về nội dung vụ án, nhất định về nội dung, có tính cách chung quyết mà toà án sau này xét xử không còn sửa đổi được nữa. Vì vậy, toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm không có quyền sửa bản án, quyết định chung thẩm bị kháng cáo, kháng nghị. Toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm không phải là cấp xét xử thứ ba, không xét xử lại nội dung vụ án: *“Toà phá án chỉ xét lại phán quyết toà dưới về phương diện pháp lí mà không xét lại nội dung vụ tranh tụng như là một toà đệ tam cấp”*<sup>28</sup>.

- Hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm giới hạn thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm theo phạm vi kháng cáo, kháng nghị

Trong pháp luật tố tụng hình sự Pháp, kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực giới hạn việc thực hiện thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm theo phạm vi kháng cáo, kháng nghị. Toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm *“không phải là thụ lí toàn diện vụ án để đem xử lại, nhưng thụ lí riêng về những điểm nào trong bản án đã bị đơn thượng tố nêu ra kích phá”*<sup>29</sup>. Phạm vi kháng cáo, kháng nghị phụ thuộc vào ý chí của chủ thể kháng cáo, kháng nghị thể hiện trong văn bản kháng cáo, kháng nghị. Toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm chỉ xét xử đối với bản án, quyết định hoặc phần của bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị. Bản án, quyết định hoặc phần của bản án, quyết định không bị kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật và không thể bị thay đổi theo hướng bất lợi cho người bị kết án, bị hại, đương sự. Sau khi kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm, chủ thể kháng cáo, kháng nghị không được mở rộng phạm vi kháng cáo, kháng nghị. Việc toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm chỉ xét xử trong phạm vi kháng cáo, kháng nghị là phù hợp với *“đặc tính” “của quyền lực tư pháp là chỉ có thể hành động khi người ta yêu cầu nó, hoặc nói theo ngôn từ pháp lí, khi nó được giao xét xử”*<sup>30</sup>.

Tuy nhiên, toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm cũng có thể tự mình xét xử ngoài phạm vi kháng cáo, kháng nghị. Điều 595 BLTTHS Pháp năm 1957, sửa đổi, bổ sung năm 2000 quy định toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm có thể tự mình xem xét những vi phạm pháp luật mà kháng cáo, kháng nghị không viện dẫn (tiếng Pháp: *moyens d'office*).

<sup>28</sup> Nguyễn Văn Lượng, Lê Tài Triển, Trần Thúc Linh, *Nhiệm vụ của chánh thẩm toà hình*, Nhóm nghiên cứu và dự hoạch, Sài Gòn, 1967, tr. 12.

<sup>29</sup> Lê Tài Triển (chủ biên), sđd, tr. 443, 444.

<sup>30</sup> Alexis de Tocqueville, *Nền dân trị Mỹ*, tập 1, Nxb. Tri thức, 2006, tr. 232.

Tuy nhiên, đối với những vi phạm pháp luật về phần dân sự mà kháng cáo, kháng nghị không viện dẫn thì toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm không được tự mình xem xét. Việc toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm tự mình xem xét những vi phạm pháp luật ngoài phạm vi kháng cáo, kháng nghị cho phép tiết kiệm thời gian và chi phí tố tụng để không phải tiếp tục kháng nghị giám đốc thẩm vì lợi ích của pháp luật; mặt khác cho phép phát triển lập luận một cách rõ ràng và đầy đủ biện minh cho việc hủy bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị<sup>31</sup>.

Trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, kháng nghị giám đốc thẩm không có hiệu lực giới hạn việc thực hiện thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm theo phạm vi kháng nghị. Điều 387 BLTTHS Việt Nam năm 2015 quy định: “*Hội đồng giám đốc thẩm phải xem xét toàn bộ vụ án mà không chỉ hạn chế trong nội dung kháng nghị*”. Việc hội đồng giám đốc thẩm phải xem xét toàn bộ vụ án không phụ thuộc vào phạm vi kháng nghị được lý giải bởi “*giám đốc thẩm là một hoạt động của giám đốc xét xử*”<sup>32</sup>; “*giám đốc thẩm có nhiệm vụ kiểm tra toàn diện tính hợp pháp và có căn cứ của các bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật đối với tất cả những người bị kết án cũng như tất cả các vấn đề về vụ án... nhằm bảo đảm để việc xét xử vụ án được chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, khắc*

*phục kịp thời mọi vi phạm pháp luật trong quá trình xử lý vụ án*”<sup>33</sup>. Như vậy, trong pháp luật tố tụng hình sự Pháp, việc xét xử giám đốc thẩm ngoài phạm vi kháng cáo, kháng nghị là ngoại lệ và hạn chế, còn trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, việc xét xử giám đốc thẩm ngoài phạm vi kháng nghị là nguyên tắc có tính chất bắt buộc và không hạn chế: “*Bản án hoặc quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị một phần hay toàn bộ thì điều đó cũng không có ý nghĩa đến phạm vi xem xét của hội đồng giám đốc thẩm. Xem xét toàn bộ vụ án không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của hội đồng giám đốc thẩm. Điều luật quy định: “phải xem xét” chứ không quy định: “nếu thấy cần thiết thì có thể xem xét*”<sup>34</sup>.

- Hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm giới hạn thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm theo tư cách pháp lý của chủ thể kháng cáo, kháng nghị

Trong pháp luật tố tụng hình sự Pháp, kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực giới hạn việc thực hiện thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm theo tư cách pháp lý của chủ thể kháng cáo, kháng nghị. Trong trường hợp này, giới hạn thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm độc lập với ý chí của chủ thể kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo có quyền kháng cáo giám đốc thẩm về phần hình sự cũng như phần dân sự của bản án, quyết định chung thẩm. Trường hợp chỉ có bị cáo kháng cáo giám đốc thẩm thì toà án có thẩm quyền giám đốc thẩm không được làm xấu hơn tình trạng của bị cáo (tiếng La tin: *reformatio in*

<sup>31</sup> Damien Vandermeersch, “Le droit à un accès effectif au juge de cassation en matière pénale”, In: s.l.d. J. Van Meerbeeck, *L'accès à la justice*, Anthemis: Limal 2017, p. 91, 92.

<sup>32</sup> Đinh Văn Quế, *Giám đốc thẩm, tài thẩm về hình sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 73.

<sup>33</sup> Nguyễn Văn Huyền, Lê Lan Chi (chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2016, 486.

<sup>34</sup> Đinh Văn Quế, sdd, tr. 69.

pejus). Kháng nghị giám đốc thẩm của viện công tố giới hạn thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm về phần hình sự của bản án, quyết định chung thẩm bởi vì viện công tố chỉ có quyền kháng nghị về phần hình sự mà không có quyền kháng nghị về phần dân sự. Kháng cáo giám đốc thẩm của bị hại, đương sự giới hạn thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm về phần dân sự của bản án, quyết định chung thẩm, bởi vì những chủ thể này chỉ được kháng cáo về phần dân sự mà không được kháng cáo về phần hình sự: “*sự thương tổn của dân sự nguyên cáo chỉ kích phá được bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi dân sự*”<sup>35</sup>. Hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm giới hạn việc thực hiện thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm theo tư cách pháp lí của chủ thể kháng cáo, kháng nghị được lí giải bởi nguyên tắc “*lợi ích để hành động*” (tiếng Pháp: *intérêt à agir*), cụ thể: “*Lợi ích là thước đo của hành động, hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm cũng bị hạn chế bởi lợi ích của chủ thể kháng cáo, kháng nghị đạt được từ việc huỷ bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị*”<sup>36</sup>. Chủ thể kháng cáo, kháng nghị khác nhau thì có lợi ích khác nhau để hành động.

Trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam không có kháng cáo giám đốc thẩm mà chỉ có kháng nghị giám đốc thẩm. Chủ thể kháng nghị giám đốc thẩm không chỉ là viện trưởng viện kiểm sát mà còn là chánh án toà án có thẩm quyền. Kháng nghị giám đốc thẩm không có hiệu lực giới hạn việc thực hiện thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm theo tư cách của chủ thể kháng nghị như quy định

của pháp luật tố tụng hình sự Pháp. Chủ thể kháng nghị giám đốc thẩm có quyền kháng nghị đối với toàn bộ bản án, quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật, cả về phần hình sự cũng như phần dân sự. Trường hợp chủ thể kháng nghị giám đốc thẩm chỉ kháng nghị một phần bản án, quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật thì hội đồng giám đốc thẩm cũng phải xem xét toàn bộ vụ án mà không chỉ hạn chế trong nội dung kháng nghị (Điều 387 BLTTHS Việt Nam năm 2015).

### Kết luận

Trên cơ sở nghiên cứu so sánh pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và Pháp về hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm, bài viết kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về hiệu lực của kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm theo mô hình của Pháp - mô hình điển hình của dòng họ Civil law, góp phần đưa pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam tiếp cận và hài hoà với một hệ thống pháp luật lớn trên thế giới. Theo đó, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam cần khẳng định nguyên tắc kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực chưa đưa ra thi hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị cũng như hiệu lực phát sinh và giới hạn thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm về mặt pháp luật của vụ án, theo phạm vi kháng cáo, kháng nghị và theo tư cách pháp lí của chủ thể kháng cáo, kháng nghị, trừ một số trường hợp ngoại lệ, cụ thể:

*Thứ nhất*, kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực chưa đưa ra thi hành bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị, trừ trường hợp thi hành ngay theo quy định của pháp luật. Để kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực nói trên cần quy định đối tượng của kháng cáo, kháng nghị

<sup>35</sup> Lê Tài Triển (chủ biên), sđd, tr. 444.

<sup>36</sup> Jacques Boré et Louis Boré, sđd, p. 364.

giám đốc thẩm là bản án, quyết định phúc thẩm chưa có hiệu lực pháp luật; bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật chỉ là đối tượng của kháng nghị giám đốc thẩm trong trường hợp ngoại lệ vì lợi ích của pháp luật hoặc lợi ích của người bị kết án và không gây bất lợi cho bị hại, đương sự khác. Đồng thời, sửa đổi quy định về thời điểm có hiệu lực pháp luật của bản án, quyết định phúc thẩm kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm mà không có kháng cáo, kháng nghị; bổ sung quy định quyền kháng cáo giám đốc thẩm của bị cáo, bị hại, đương sự; bổ sung quy định thời hạn kháng cáo giám đốc thẩm và sửa đổi quy định thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm với thời gian ngắn hơn; bổ sung quy định cơ chế tránh lợi dụng kháng cáo giám đốc thẩm để kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Lí do của đề xuất nêu trên nhằm tôn trọng nguyên tắc bảo đảm hiệu lực pháp luật của bản án, quyết định của toà án, bảo đảm “số phận pháp lí” của người bị kết án, bị hại, đương sự, không làm xấu hơn tình trạng của họ sau khi bản án, quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật.

*Thứ hai*, kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực phát sinh thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm của toà án duy nhất và cao nhất là Toà án nhân dân tối cao. Để kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực nói trên cần thành lập các toà chuyên trách của Toà án nhân dân tối cao; tổ chức xét xử giám đốc thẩm với các hội đồng giám đốc thẩm hạn chế, hỗn hợp và toàn thể theo kinh nghiệm lập pháp của Pháp. Việc thành lập các toà chuyên trách không phải để tạo thành hai cấp giám đốc thẩm trong Toà án nhân dân tối cao như quy định trước đây

mà chỉ để thành lập các hội đồng giám đốc thẩm khác nhau, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, vừa không bị “quá tải” vừa bảo đảm chất lượng xét xử giám đốc thẩm. Hội đồng giám đốc thẩm hạn chế gồm 3 thẩm phán Toà hình sự Toà án nhân dân tối cao trong trường hợp bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị không có tính chất phức tạp và không liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật. Hội đồng giám đốc thẩm hỗn hợp gồm 5 thẩm phán Toà hình sự và toà chuyên trách khác của Toà án nhân dân tối cao trong trường hợp bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị không có tính chất phức tạp nhưng liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật. Hội đồng giám đốc thẩm toàn thể gồm các thẩm phán Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao trong trường hợp bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị có tính chất phức tạp hoặc bản án, quyết định đã được hội đồng giám đốc thẩm hạn chế hoặc hỗn hợp xét xử nhưng không thống nhất khi biểu quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án.

*Thứ ba*, kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực giới hạn thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm về mặt pháp luật của vụ án. Để kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực nói trên cần hủy bỏ quy định căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm về mặt sự việc của vụ án, hủy bỏ quy định về thẩm quyền sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của hội đồng giám đốc thẩm. Lí do của đề xuất nêu trên nhằm bảo đảm nguyên tắc hai cấp xét xử, giám đốc thẩm chỉ là thủ tục đặc biệt, không phải là một cấp xét xử.

*Thứ tư*, kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực giới hạn thẩm quyền xét xử

giám đốc thẩm theo phạm vi kháng cáo, kháng nghị. Việc xét xử giám đốc thẩm ngoài phạm vi kháng cáo, kháng nghị chỉ trong trường hợp ngoại lệ vì lợi ích của pháp luật hoặc lợi ích của bị cáo, người bị kết án mà không gây bất lợi cho bị hại, đương sự khác. Nhiệm vụ giám đốc việc xét xử của toà án cấp trên đối với toà án cấp dưới tiếp tục được duy trì nhưng không phải để toà án tự mình kháng nghị giám đốc thẩm và tự mình xem xét toàn bộ vụ án trong mọi trường hợp mà để thông báo cho viện trưởng viện kiểm sát có thẩm quyền nếu có căn cứ kháng nghị. Lí do của đề xuất nêu trên nhằm tôn trọng nguyên tắc bảo đảm hiệu lực pháp luật của bản án, quyết định của toà án, bảo đảm đặc tính của quyền tư pháp.

*Thứ năm*, kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực giới hạn thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm theo tư cách của chủ thể kháng cáo, kháng nghị. Để kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm có hiệu lực nói trên, cần quy định quyền kháng cáo giám đốc thẩm của bị cáo, bị hại, đương sự phù hợp với tư cách pháp lí của họ, đồng thời hủy bỏ quyền kháng nghị giám đốc thẩm của chánh án toà án. Lí do của đề xuất nêu trên nhằm bảo đảm quyền con người, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng trước toà án, bảo đảm sự phân định đúng các chức năng trong tố tụng.

Những kiến nghị nêu trên mới chỉ có tính định hướng, đòi hỏi tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện và hệ thống, bởi không dễ thay đổi cả một truyền thống pháp lí về giám đốc thẩm đã tồn tại hàng chục năm trong tố tụng hình sự Việt Nam, kể từ sau khi giải phóng miền Bắc năm 1954. Tuy nhiên, trên lộ trình hội nhập và hài hòa với hệ thống pháp luật thế giới, một số kiến nghị

có thể được thực hiện ngay như: hủy bỏ quy định về thẩm quyền giám đốc thẩm của toà án nhân dân cấp cao, Toà án quân sự trung ương, tập trung thẩm quyền giám đốc thẩm cho Toà án nhân dân tối cao với các hội đồng xét xử phù hợp với yêu cầu của thực tiễn; hủy bỏ quy định về thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm của chánh án toà án; hủy bỏ quy định về thẩm quyền sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực của hội đồng giám đốc thẩm.../.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alexis de Tocqueville, *Nền dân trị Mỹ*, tập 1, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2006.
2. Cathie-Sophie Pinat, *Le discours de l'avocat devant la Cour de cassation: Etude de théorie du droit*, Thèse de doctorat, Université de Montpellier, 2016.
3. Damien Vandermeersch, "Le droit à un accès effectif au juge de cassation en matière pénale", In: s.l.d. J. Van Meerbeeck, *L'accès à la justice*, Anthemis: Limal 2017.
4. Trần Văn Độ, "Một số ý kiến về hoàn thiện thẩm quyền xét xử của toà án các cấp", *Tạp chí Toà án nhân dân*, số 6/2001.
5. Gaston Stephani, Georges Levasseur, Bernard Bouloc, *Procédure pénale*, Dalloz, 2004.
6. Nguyễn Văn Huyền, Lê Lan Chi (chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2016.
7. Jacques Boré et Louis Boré, *La cassation en matière pénale*, 2ème éd., Dalloz, Paris, 2004.
8. Jean Pradel, *Droit pénal comparé*, 2e é., Dalloz, Paris, 2002.

*(Xem tiếp trang 30)*